

CÔNG TY CPTH GỖ TÂN MAI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10./CV.GTM

V/v: Công bố Báo cáo tài chính
năm 2021 đã kiểm toán

Đồng Nai, ngày 23 tháng 03 năm 2022

Kính gửi: -Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : Công ty Cổ Phần Tổng Hợp Gỗ Tân Mai
2. Mã chứng khoán: TMW
3. Địa chỉ: 84, Nguyễn Văn Hoa, P.Thống Nhất, Tp Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
4. Điện thoại : 0251 3823730 Fax: 0251 3823731
5. Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN THỊ KIM TRANG**
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ Phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai được lập và được kiểm toán vào ngày 21/03/2022, bao gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.

6.2 Các tài liệu đính kèm: Văn bản số 09 /CV.GTM ngày 21/03/2022 v/v giải trình nguyên nhân tăng lợi nhuận sau thuế 2021 so với cùng kỳ năm 2020, ý kiến ngoại trừ của kiểm toán tại báo cáo tài chính năm 2021.

7. Toàn bộ báo cáo tài chính và văn bản giải trình được đăng tải trên website Công ty mục “ Quan hệ cổ đông”

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố .

GIÁM ĐỐC



DƯƠNG THỊ MỸ DUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP
GỖ TÂN MAI

Số: 09/ CV.GTM

Đồng Nai, ngày 22 tháng 03 năm 2022

V/v : Giải trình về ý kiến ngoại trừ của kiểm toán tại
Báo cáo tài chính năm 2021 và nguyên nhân tăng
lợi nhuận sau thuế năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020.

Kính gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tổ chức niêm yết : Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai - Mã chứng khoán : TMW
Mã ISIN : VN000000TMW3 - Sàn giao dịch : UPCOM
Trụ sở : 84 Nguyễn Văn Hoa, P.Thống Nhất, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Người thực hiện CBTT : Nguyễn Thị Kim Trang - P.Tổ chức Hành chính
Loại thông tin công bố : Bất thường
Thông tin công bố : Giải trình về ý kiến ngoại trừ của kiểm toán tại Báo cáo tài chính năm 2021 và nguyên nhân tăng lợi nhuận sau thuế năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020.



1 Ý kiến ngoại trừ của kiểm toán tại Báo cáo tài chính năm 2021

Tại báo cáo kiểm toán độc lập số 279/2022/BCKT-HCM.01203 ngày 22/03/2022 của Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai về báo cáo tài chính cho năm 2021. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ như sau : “Theo công văn số 261/SNZ – XNGĐ ngày 11 tháng 04 năm 2017 của Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp (Sonadezi), Công ty phải trích lập bổ sung tiền thuê đất từ giai đoạn năm 2006 đến năm 2017 với số tiền là 3.317.318.741 VND và Công ty đã ghi nhận khoản chi phí này vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tuy nhiên, trong năm 2018, Công ty đã hoàn nhập lại Chi phí này vào khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp”. Vấn đề này vẫn chưa được Công ty khắc phục trong năm 2021 dẫn đến báo cáo tài chính đang ghi nhận chưa phù hợp. Nếu Công ty ghi nhận khoản tiền thuê đất nêu trên theo các quy định hiện hành thì trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 chỉ tiêu “ Chi phí phải trả ngắn hạn” (Mã số 315) sẽ tăng thêm 3.317.318.741 VND và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (mã số 421) sẽ giảm đi tương ứng 3.317.318.741 VND.”

Công ty đã công bố thông tin Báo cáo Tài chính năm 2018 kèm theo văn bản số 04/CV.GTM ngày 29/03/2019 giải trình kiến ngoại trừ của kiểm toán trên báo cáo tài chính 2018, văn bản số 13/CV.GTM ngày 30/03/2020 giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán trên báo cáo tài chính 2019, văn bản số 08/CV.GTM ngày 22/03/2021 giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán trên báo cáo tài chính 2020, loại thông tin công bố : bất thường. Nay công ty xin nhắc lại như sau :

Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai có chi nhánh nằm trong Khu công nghiệp Biên Hòa 1. Đơn vị trả tiền thuê đất hàng năm cho Tổng Công ty Cổ phần phát triển Khu công nghiệp (SONADEZI). Theo công văn số 261/SNZ-XNGĐ ngày 11/04/2017 của Tổng Công ty Cổ phần phát triển Khu công nghiệp (SONADEZI) Công ty đã ghi nhận vào Báo cáo Tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 khoản chi phí thuê đất điều chỉnh bổ sung cho giai đoạn từ năm đến năm 2017 với số tiền là 3.317.318.741 đồng để dự phòng chi trả nhưng cũng đồng thời phản ánh ý kiến không đồng thuận với yêu cầu của SONADEZI.

Vào ngày 05/04/2018 Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp (SONADEZI) đã ký Phụ lục Hợp đồng số 01 trong đó điều chỉnh bổ sung lại tiền thuê đất, phí sử dụng hạ tầng tính từ 01/01/2016 đến 31/12/2020 Phụ lục Hợp đồng này không đề cập gì đến vấn đề thu tiền đất bổ sung. Do vậy, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm 2018 chúng tôi nhận thấy việc ghi nhận khoản phải trả cho SONADEZI là không còn cần thiết và đã hoàn nhập khoản trích trước này vào khoản mục chi phí quản lý doanh nghiệp, điều này dẫn đến khoản mục “ Chi phí phải trả “ và tại ngày 31/12/2018 trên Bảng cân đối kế toán và “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trên bảng Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018 phản ánh giảm tương ứng số tiền 3.317.318.741 đồng.

Vào ngày 04/06/2021 Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp (SONADEZI) ký tiếp Phụ lục hợp đồng số 02 quy định về thời gian và đơn giá thuê đất, phí sử dụng hạ tầng cho giai đoạn tiếp theo từ 01/01/2021 đến 31/12/2025.

Đến ngày 31/12/2021 công ty vẫn chưa có phụ lục hợp đồng với Công ty CP Phát triển Khu Công nghiệp (Sonadezi) về số tiền truy thu thuê đất nói trên, nên chưa phản ánh vào Báo cáo Tài chính năm 2021. Kiểm toán viên đã đưa ý kiến ngoại trừ liên quan đến vấn đề này trên Báo cáo kiểm toán độc lập 279/2022/BCKT-HCM.01203 ngày 22/03/2022 do tính thận trọng về vấn đề hoàn nhập này.

2 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2021 tăng 15,6 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020 như sau :

- Lợi nhuận sau thuế năm 2020 : (6.670.408.415) đồng

- Lợi nhuận sau thuế năm 2021 : 8.980.617.707 đồng

Lợi nhuận năm 2021 tăng 15.651.026.122 đồng so với cùng kỳ báo cáo năm 2020, nguyên nhân chủ yếu như sau :

- Do năm 2021 Công ty không còn chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Xí Nghiệp May Công nghiệp Đồng Nai hoạt động không hiệu quả nên năm 2021 công ty có hiệu quả từ sản xuất kinh doanh.

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty để làm rõ vấn đề liên quan kết luận ngoại trừ của kiểm toán viên trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, nêu rõ nguyên nhân dẫn đến tình hình Lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2021 tăng so năm tài chính 2020 tại công ty.

Trân trọng kính chào.

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG HỢP
GỖ
TÂN MAI
TP. BIÊN HÒA - T. Đ. NAI
Dương Thị Mỹ Dung

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu văn thư, CBTT



TỔNG CÔNG TY SONADEZI

Địa chỉ : Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa LP, An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Tel : 84.61.8860561/562/563 Fax : 84.61.8860573
E-mail : marketing@sonadezi.com.vn Website : http://www.sonadezi.com.vn

ISO 9001

Số: 261/SNZ-XNGD
V/v truy thu tiền thuê đất từ 01/01/2006
đến 31/01/2016 tại KCN Biên Hòa 1

Đồng Nai, ngày 11 tháng 1 năm 2017

Kính gửi: ..CN ..CP ..T.ở q. hợp. q.ở ..T.ở. Mai.....

Căn cứ các văn bản của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về giá thuê đất tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 gồm Công văn số 323/STC-GCS ngày 21/2/2011, Công văn số 1605/STC-GCS ngày 30/5/2012;

Thực hiện Quyết định số 2091/QĐ-UBND ngày 26/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa, Tổng Công ty CP phát triển KCN đã tiến hành IPO vào ngày 30/12/2015. Đến ngày 25/01/2016, Tổng công ty CP phát triển KCN đã họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ 1 và ngày 01/02/2016 đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần.

Căn cứ công văn 840/TTg-KTN ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn truy thu tiền thuê đất của Tổng Công ty phát triển khu công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/09/2016 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 21/3/2017 về việc xác định nghĩa vụ tài chính về tiền thuê đất của Khu công nghiệp Biên Hòa 1 của Tổng công ty CP Phát triển khu công nghiệp;

Tổng công ty CP phát triển KCN xin thông báo như sau:

1. Về đơn giá tiền thuê đất:

+ Từ ngày 01/01/2006 đến 31/12/2010: đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm theo 03 vị trí như sau:

- Vị trí 1: 17.500 đồng/m²/năm.

- Vị trí 2: 8.750 đồng/m²/năm.

- Vị trí 3: 5.250 đồng/m²/năm.

+ Từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2015: đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm theo 03 vị trí là 20.500 đồng/m²/năm.

+ Từ ngày 01/01/2016 đến 31/01/2016: đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm theo 03 vị trí là 6.943 đồng/m²/năm.

2. Số tiền Quý công ty còn phải thanh toán từ 01/01/2006 đến 31/01/2016
(bảng chi tiết đính kèm)

Đề nghị Quý công ty chuyển tiền theo thông tin sau:

Tên TK: Xí nghiệp dịch vụ KCN Giang Điền – CN Tổng công ty CP phát triển KCN

Số TK : 110000072592 tại NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN: KCN Biên Hòa

Số TK: 700006295684 tại NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam- CN Biên Hòa, Đồng Nai

Nơi nhận: /
- Như trên;
- Lưu: VT, XNGD_{KT}



ĐƠN GIÁ CAT (theo hồ sơ) ĐANG H2017 Biên Hòa
Công văn theo đặt từ 2006 đến 31.01.2016.docx

Phạm Đình Thám

BẢNG KÊ CHI TIẾT TIỀN THUẾ ĐẤT TỪ NĂM 2006 ĐẾN THÁNG 01/2016
 (đính kèm công văn số: 261 /SNZ-XNGD ngày 11/4/2017)

Công ty CP Tổng Hợp Gỗ Tân Mai



ĐVT: đồng

Số TT	Tổng diện tích (m ²)	Đơn giá từ năm 2006-2010						Đơn giá từ 2011-2015	Đơn giá T1/2016	Số phải thanh toán	Đã thanh toán	Số tiền được miễn theo Công văn số: 840/TTg-KTN của Thủ Tướng Chính Phủ ngày 10/6/2013	Còn phải thanh toán
		Diện tích vị trí 1	Đơn giá vị trí 1	Diện tích vị trí 2	Đơn giá vị trí 2	Diện tích vị trí 3	Đơn giá vị trí 3	Cả 3 vị trí	Cả 3 vị trí				
1	20.425.90	7.564	17.500	8.732	8.750	4.130	5.250	20.500	6.943	3.257.740.210	164.768.927	-	3.092.971.283
<i>Ba tỷ không trăm chín mươi hai triệu chín trăm bảy mươi mốt ngàn hai trăm tám mươi ba đồng.</i>													

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 02
HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT VÀ SỬ DỤNG HẠ TẦNG
TẠI KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1
SỐ: 76/HĐTĐ/BH1.PL2

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 436/QĐ-TTg ngày 12/5/2000 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về việc phê duyệt dự án cải tạo, nâng cấp, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 426/QĐ-TTg ngày 12/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về việc cho phép Công ty Phát triển Khu công nghiệp Biên Hòa thuê đất đầu tư cải tạo, nâng cấp, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Hợp đồng thuê đất số 82/HĐTĐ ngày 27/10/2017 ký giữa UBND tỉnh Đồng Nai và Tổng Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp (Tổng Công ty Sonadezi);

Căn cứ Phụ lục hợp đồng thuê đất số 82/PLHĐTĐ-1 ngày 23/4/2021 ký giữa UBND tỉnh Đồng Nai và Tổng Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp (Tổng Công ty Sonadezi);

Căn cứ Thông báo về đơn giá đất số 2563/TB-CT ngày 10/3/2021 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Hợp đồng thuê lại đất và sử dụng hạ tầng tại KCN Biên Hòa 1 số 76/HĐTĐ/BH1 ngày 01 tháng 04 năm 2006 ký giữa Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Biên Hòa và Công ty cổ phần Tổng hợp gỗ Tân Mai;

Căn cứ Phụ lục số 01 Hợp đồng thuê lại đất và sử dụng hạ tầng tại KCN Biên Hòa 1 số 76/HĐTĐ/BH1 ngày 05 tháng 04 năm 2018 ký giữa Tổng Công ty cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp (Tổng Công ty Sonadezi) và Công ty cổ phần Tổng hợp gỗ Tân Mai;

Phụ lục 02 của Hợp đồng thuê lại đất và sử dụng hạ tầng tại KCN Biên Hòa 1 số 76/HĐTĐ/BH1 ngày 01/04/2006 được lập ngày 04 tháng 6 năm 2021 (sau đây gọi tắt là **Phụ lục 02**) giữa các Bên gồm:

BÊN CHO THUÊ (BÊN A): TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP

- Giấy chứng nhận ĐKDN: Số 3600335363, đăng ký lần đầu ngày 01/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 06/05/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
- Địa chỉ: Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại: 84 – 251 – 8860 561



- Fax: 84 – 251 – 8860 573
- Số tài khoản: : 115 000013 168
Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa
- Mã số thuế: 3600 335 363
- Người đại diện: Ông TRẦN THANH HẢI
- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- BÊN THUÊ (BÊN B): CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**
- Giấy chứng nhận ĐKDN: Số 3600254266, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 06 tháng 08 năm 2019 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
- Địa chỉ: 84 Nguyễn Văn Hoa, Phường Thống nhất, Tp Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại: 84 - 251 – 3822 258
- Fax: 84 - 251 – 3823 731
- Số tài khoản: VND 0121 000000178
Tại Ngân hàng Ngoại thương Đồng Nai.
- Mã số thuế: 3600254266
- Người đại diện: Bà DƯƠNG THỊ MỸ DUNG
- Chức vụ: Giám đốc

Hai Bên đã thảo luận và đồng ý ký **Phụ lục 02** này với những điều khoản và điều kiện cụ thể như sau:

Phần 1: Điều chỉnh, bổ sung một phần nội dung Khoản 3.1 và Khoản 3.2 Điều 3 của Hợp đồng số 76/HĐTĐ/BH1

ĐIỀU 3: TIỀN THUÊ LẠI ĐẤT VÀ ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN

3.1 Tiền thuê lại đất:

Từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2025, Bên B trả tiền thuê lại đất cho Bên A theo mức giá là **9.037 đồng/m²/năm** (Chín ngàn, không trăm ba mươi bảy đồng/mét vuông/năm), (đơn giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

3.2 Điều kiện thanh toán:

Bên B thanh toán tiền thuê lại đất hàng năm cho Bên A giai đoạn 01/01/2021-31/12/2025 theo giấy báo thanh toán của Bên A, cụ thể như sau:

- Tiền thuê lại đất Bên B phải trả mỗi năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) là:

$20.425,9 \text{ m}^2 \times 9.037 \text{ đồng/m}^2/\text{năm} \times 01 \text{ năm} = 184.588.858 \text{ đồng}$
--

(Bằng chữ: Một trăm tám mươi bốn triệu, năm trăm tám mươi tám ngàn, tám trăm năm mươi tám đồng).



Cup

- Thời hạn thanh toán: chậm nhất vào ngày **30** tháng **6** hàng năm.
- Từ ngày 01/01/2026 đến hết thời hạn thuê: tùy theo sự điều chỉnh của Nhà nước, Bên A thông báo đơn giá tiền thuê lại đất phải trả tương ứng đến Bên B bằng văn bản.
- Bên B có trách nhiệm trả tiền thuê Giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.

Phần 2: Điều khoản cuối cùng

- Ngoài những nội dung được bổ sung, điều chỉnh theo *Phụ lục 02* này, tất cả các điều khoản khác của Hợp đồng thuê lại đất và sử dụng hạ tầng tại KCN Biên Hòa 1 số 76/HĐTĐ/BH1 ngày 01/04/2006 và Phụ lục đã ký của hợp đồng này đều không thay đổi và giữ nguyên hiệu lực.

- *Phụ lục 02* này là văn bản pháp lý không tách rời của Hợp đồng thuê lại đất và sử dụng hạ tầng tại KCN Biên Hòa 1 số 76/HĐTĐ/BH1 ngày 01/04/2006.

- Mọi điều khoản không được quy định cụ thể tại Hợp đồng và các Phụ lục liên quan được Hai Bên thực hiện theo Luật pháp Việt Nam.

- *Phụ lục 02* này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Phụ lục này được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt có nội dung và ý nghĩa như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản.

Cả Hai Bên đã đọc nội dung, hoàn toàn am hiểu và nhìn nhận là thể hiện đúng ý định của mình./.

ĐẠI DIỆN BÊN A


Trần Thanh Hải

ĐẠI DIỆN BÊN B


Dương Thị Mỹ Dung

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 39

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI
Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600254266, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006 với các lần thay đổi, thay đổi lần thứ bảy ngày 06 tháng 8 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : 0251. 3826940 / 8880201 /3823730
- Fax : 0251. 3823731
- Website : www.wood-tanmai.com.vn
- Email : gotanmai@gotanmai.vn / sales@wood-tanmai.com.vn.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán Upcom theo thông báo số 741/TB-SGDHN ngày 08 tháng 12 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với thông tin:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu Phổ thông
- Mã chứng khoán: TMW
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán đăng ký: 4.662.350 Cổ phiếu
- Tổng giá trị: 46.623.500.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Bán buôn phân bón, hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh);
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn gỗ (từ nguồn gỗ hợp pháp);
- Cửa, xà, bảo gỗ và bảo quản gỗ;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Kinh doanh cơ sở hạ tầng, Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng (chỉ hoạt động khi có giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật);
- Sản xuất ván ép, ván dăm;
- Sản xuất hàng mộc tinh chế;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (thực hiện theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ) (trừ động vật hoang dã thuộc danh mục cấm).

Trong năm 2021, hoạt động chính của Công ty là sản xuất ván ép, cho thuê bất động sản.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị	Chức vụ	Tái bổ nhiệm	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Họ và tên				
Ông Phạm Đức Bình	Chủ tịch	20/05/2021		
Bà Dương Thị Mỹ Dung	Phó Chủ tịch	20/05/2021		
Ông Trần Hữu Đức	Thành viên	20/05/2021		
Bà Phạm Ngọc Tuyết Vân	Thành viên	20/05/2021		
Ông Phạm Lan Đình	Thành viên		20/05/2021	
Ông Tăng Trần Tấn Khải	Thành viên			20/05/2021

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Bà Dương Thị Mỹ Dung	Giám đốc

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Thị Xuân Hằng	Trưởng ban		
Ông Nguyễn Diên Anh Khoa	Thành viên		
Bà Nguyễn Thị Kim Trang	Thành viên	20/05/2021	
Ông Phạm Lan Đình	Thành viên		20/05/2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là:

Bà Dương Thị Mỹ Dung

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Vào ngày 24 tháng 02 năm 2022, Công ty đã công bố thông tin về việc từ nhiệm của Ông Nguyễn Diên Anh Khoa – Kiểm soát viên và Ông Trần Hữu Đức – Thành viên Hội đồng quản trị.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Công bố các báo cáo tài chính

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Bà DƯƠNG THỊ MỸ DUNG
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 22 tháng 03 năm 2022



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International
Số: 279/2022/BCKT-HCM.01203



Accountants &
business advisers

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai ("Công ty"), được lập ngày 22 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo công văn số 261/SNZ – XNGĐ ngày 11 tháng 04 năm 2017 của Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp (Sonadezi), Công ty phải trích lập bổ sung tiền thuê đất từ giai đoạn năm 2006 đến năm 2017 với số tiền là 3.317.318.741 VND và Công ty đã ghi nhận khoản chi phí này vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tuy nhiên, trong năm 2018, Công ty đã hoàn nhập lại Chi phí này vào khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp". Vấn đề này vẫn chưa được Công ty khắc phục trong năm 2021 dẫn đến báo cáo tài chính đang ghi nhận chưa phù hợp. Nếu Công ty ghi nhận khoản tiền thuê đất nêu trên theo các quy định hiện hành thì trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 chỉ tiêu "Chi phí phải trả ngắn hạn" (Mã số 315) sẽ tăng thêm 3.317.318.741 VND và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (mã số 421) sẽ giảm đi tương ứng 3.317.318.741 VND.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2022

A handwritten signature in blue ink, appearing to be "Lê Ngọc Hải".

LÊ NGỌC HẢI
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0179-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.785.139.143	20.765.399.575
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.892.144.405	1.836.527.224
Tiền	111		2.892.144.405	1.336.527.224
Các khoản tương đương tiền	112		-	500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.900.000.000	2.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	4.900.000.000	2.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.272.304.250	9.924.139.850
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	13.583.198.221	14.864.765.226
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	4.565.600.000	66.750.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	242.849.381	78.967.976
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(5.119.343.352)	(5.086.343.352)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.7	8.428.431.239	6.736.559.548
Hàng tồn kho	141		8.428.431.239	7.277.372.034
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(540.812.486)
Tài sản ngắn hạn khác	150		292.259.249	268.172.953
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	176.886.591	22.172.505
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	115.372.658	246.000.448
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		64.120.894.891	69.113.548.183
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		29.497.863.557	32.461.095.987
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	29.497.863.557	32.461.095.987
Nguyên giá	222		86.368.783.388	90.998.751.470
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.870.919.831)	(58.537.655.483)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	-
Nguyên giá	228		167.243.000	167.243.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(167.243.000)	(167.243.000)
Bất động sản đầu tư	230	5.11	34.348.040.634	36.385.574.439
Nguyên giá	231		59.564.143.487	59.564.143.487
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(25.216.102.853)	(23.178.569.048)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		50.000.000	250.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2.1	50.000.000	250.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		224.990.700	16.877.757
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	224.990.700	16.877.757
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		93.906.034.034	89.878.947.758

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		13.577.450.137	18.530.981.568
Nợ ngắn hạn	310		10.341.983.705	15.688.815.136
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	2.715.782.287	2.154.414.385
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	101.954.663	1.307.453.641
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	480.081.772	322.600.720
Phải trả người lao động	314		1.689.830.282	1.120.656.724
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	860.566.922	877.114.620
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	21.818.178	43.636.362
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17.1	4.109.107.637	7.083.734.296
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	-	2.168.492.024
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.19	362.841.964	610.712.364
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		3.235.466.432	2.842.166.432
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.17.2	3.235.466.432	2.842.166.432
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-


CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI


Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		80.328.583.897	71.347.966.190
Vốn chủ sở hữu	410	5.20	80.328.583.897	71.347.966.190
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		46.623.500.000	46.623.500.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		46.623.500.000	46.623.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		24.225.364.017	24.225.364.017
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.479.719.880	499.102.173
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		499.102.173	7.169.510.588
LNST chưa phân phối năm nay	421b		8.980.617.707	(6.670.408.415)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		93.906.034.034	89.878.947.758


PHẠM NGỌC TUYẾT VÂN
Người lập biểu


PHẠM NGỌC TUYẾT VÂN
Kế toán trưởng


DUYNG THỊ MỸ DUNG
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 22 tháng 03 năm 2022


CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		45.751.444.751	78.362.700.698
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	6.1	45.751.444.751	78.362.700.698
Giá vốn hàng bán	11	6.2	31.586.241.676	68.948.326.066
Lợi nhuận gộp	20		14.165.203.075	9.414.374.632
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	338.113.067	498.377.120
Chi phí tài chính	22	6.4	15.248.492	976.894.213
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		4.120.339	804.026.646
Chi phí bán hàng	25	6.5	117.522.589	506.819.022
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	5.474.744.047	15.466.055.172
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		8.895.801.014	(7.037.016.655)
Thu nhập khác	31	6.7	1.183.737.553	1.329.136.496
Chi phí khác	32		609.786.185	962.528.256
Lợi nhuận khác	40		573.951.368	366.608.240
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.469.752.382	(6.670.408.415)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	489.134.675	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.980.617.707	(6.670.408.415)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	1.926	(1.431)


PHẠM NGỌC TUYẾT VÂN
Người lập biểu


PHẠM NGỌC TUYẾT VÂN
Kế toán trưởng


DƯƠNG THỊ MỸ DUNG
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 22 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	9.469.752.382	(6.670.408.415)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.879.211.030	5.964.539.517
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(507.812.486)	69.697.000
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.282.650	34.139.458
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(751.557.862)	(175.594.678)
Chi phí lãi vay	06	4.120.339	804.026.646
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	13.094.996.053	26.399.528
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(3.085.242.638)	(744.180.451)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(1.151.059.205)	14.343.560.741
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	237.227.318	(3.933.861.777)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(362.827.029)	270.519.305
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.120.339)	(803.474.129)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(247.870.400)	(158.206.190)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.481.103.760	9.000.757.027
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	-	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	535.000.000	1.194.750.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.750.000.000)	(2.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	8.050.000.000	10.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	172.819.095	381.050.731
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.992.180.905)	9.575.800.731
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	-	48.607.535.383
Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.168.492.024)	(76.011.302.445)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.263.531.000)	(8.122.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.432.023.024)	(27.411.889.562)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG KỲ			
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	1.836.527.224	10.689.248.555
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.282.650)	(17.389.527)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	2.892.144.405	1.836.527.224



PHẠM NGỌC TUYẾT VÂN
Người lập biểu



PHẠM NGỌC TUYẾT VÂN
Kế toán trưởng



DƯƠNG THỊ MỸ DUNG
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 22 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600254266, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006 với các lần thay đổi, thay đổi lần thứ bảy ngày 06 tháng 8 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán Upcom theo thông báo số 741/TB-SGDHN ngày 08 tháng 12 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với thông tin:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu Phổ thông
- Mã chứng khoán: TMW
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán đăng ký: 4.662.350 Cổ phiếu
- Tổng giá trị: 46.623.500.000 đồng

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất ván ép, cho thuê bất động sản.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	
- Xí nghiệp May Công nghiệp	Đường số 1, KCN Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	May mặc	Chấm dứt hoạt động từ ngày 16/11/2021
- Xí nghiệp May Đồng Thịnh	Xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai	May mặc	Chấm dứt hoạt động từ ngày 04/05/2021
- Xí nghiệp Ván Ép Tân Mai	Ấp Thái Hòa, xã Hồ Nai 3, huyện sản xuất ván ép Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất ván ép	

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 103 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 96 người).

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÀN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Vietcombank (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Vietcombank (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm các chi phí thực hiện sản xuất sản phẩm.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng kể từ khi phát sinh, thời gian phân bổ là 12 tháng.

Chi phí công cụ dụng cụ

Chi phí công cụ, dụng cụ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

4.8 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ảnh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm trích khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 35 năm
Máy móc thiết bị	05 – 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10 năm
Tài sản cố định khác	05 năm

4.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30 năm
Cơ sở hạ tầng	05 – 20 năm

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hãng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

4.18 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, cho vay ngắn hạn, phải thu khác và đầu tư dài hạn khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.20 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH Thanh Bình	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Cổ đông lớn
Quý đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai	Cổ đông lớn
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	116.848.317	60.186.531
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- VND	2.746.459.513	1.216.624.923
- USD	23.219.763	53.231.509
- EUR	5.616.812	6.484.261
Các khoản tương đương tiền	-	500.000.000
	2.892.144.405	1.836.527.224

Chi tiết số dư gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

		Tương đương
		VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- USD	1.016,96	23.219.763
- EUR	221,21	5.616.812
		28.836.575

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (1)	4.900.000.000	4.900.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
	4.900.000.000	4.900.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Dài hạn				
Trái phiếu (2)	50.000.000	50.000.000	250.000.000	250.000.000
	50.000.000	50.000.000	250.000.000	250.000.000

(1) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội ("SHB") với lãi suất 6,2 - 6,3%/năm (năm 2020 5,9%/năm).

(2) Chi tiết tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm:

- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, số lượng 5 trái phiếu, mệnh giá 10.000.000 đồng/ trái phiếu, thời hạn từ 25/06/2018 đến 25/11/2028, lãi suất thả nổi và được tính cho mỗi kỳ tính lãi bằng lãi suất tham chiếu +0,8%/năm.

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các khách hàng khác				
Germes LLC	-	-	2.549.072.680	-
Shin Myung Chul – Xi nghiệp chế biến Gỗ Hồ Nai	2.175.987.180	(2.175.987.180)	2.175.987.180	(2.175.987.180)
Công ty cổ phần Gỗ Đức Bảo	1.702.081.830	(1.702.081.830)	1.702.081.830	(1.702.081.830)
Chi nhánh Công ty TNHH KNA Apparel Sourcing (Việt Nam)	2.168.355.627	-	1.321.974.020	-
Các khách hàng khác	7.536.773.584	(1.208.274.342)	7.115.649.516	(1.208.274.342)
	13.583.198.221	(5.086.343.352)	14.864.765.226	(5.086.343.352)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Trả trước bên liên quan		
Công ty TNHH Thanh Bình	4.500.000.000	-
Trả trước người bán khác		
Ông Trần Ngọc Danh	33.000.000	33.000.000
Công ty Luật TNHH MTV Biên Hùng	-	13.000.000
Công ty Cổ phần Phát Triển Bảo Sáng	-	1.500.000
Các tổ chức và cá nhân khác	32.600.000	19.250.000
	4.565.600.000	66.750.000

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu về tạm ứng	65.560.888	-	42.023.300	-
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi cho vay	167.288.493	-	1.994.521	-
Công ty TNHH Depaco – Phải thu tiền thanh lý Công cụ dụng cụ	-	-	24.950.154	-
Đặt cọc thuê máy biển thể	10.000.000	-	10.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	-	1	-
	242.849.381	-	78.967.976	-

5.6 Nợ xấu

	31/12/2021		01/01/2021			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các tổ chức và cá nhân khác						
Công ty Cổ phần Gỗ Đức Bảo – Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	1.702.081.830	-	Trên 3 năm	1.702.081.830	-
Shin Myung Chul – Xi nghiệp chế biến Gỗ Hồ Nai	Trên 3 năm	2.175.987.180	-	Trên 3 năm	2.175.987.180	-
Công ty TNHH May mặc SM – Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	801.235.456	-	Trên 3 năm	801.235.456	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 3 năm	407.038.886	-	Trên 3 năm	407.038.886	-
Trần Ngọc Danh – trả trước người bán	Trên 3 năm	33.000.000	-		-	-
		5.119.343.352	-		5.086.343.352	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn Năm 2021 VND	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn Năm 2020 VND
Tại ngày đầu năm	5.086.343.352	5.086.343.352
Trích lập trong năm	33.000.000	-
Tại ngày cuối năm	5.119.343.352	5.086.343.352

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.004.982.778	-	2.431.392.259	(53.138.122)
Công cụ, dụng cụ	118.702.492	-	137.499.031	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	575.837.698	-	1.091.190.770	-
Thành phẩm	4.728.908.271	-	3.617.289.974	(487.674.364)
	8.428.431.239	-	7.277.372.034	(540.812.486)

5.8 Chi phí trả trước**5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí bảo hiểm	-	11.912.505
Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản	176.886.591	10.260.000
	176.886.591	22.172.505

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	16.877.757
Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản	224.990.700	-
	224.990.700	16.877.757

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2021	52.476.241.696	33.870.597.046	3.464.476.735	1.187.435.993	90.998.751.470
Thanh lý trong năm	(65.134.660)	(3.701.341.243)	(323.181.939)	(540.310.240)	(4.629.968.082)
Tại ngày 31/12/2021	52.411.107.036	30.169.255.803	3.141.294.796	647.125.753	86.368.783.388
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2021	21.841.131.093	32.546.574.247	3.005.500.834	1.144.449.309	58.537.655.483
Khấu hao trong năm	1.616.274.609	1.025.198.760	189.361.886	10.841.970	2.841.677.225
Thanh lý trong năm	(65.134.660)	(3.611.930.752)	(323.181.939)	(508.165.526)	(4.508.412.877)
Tại ngày 31/12/2021	23.392.271.042	29.959.842.255	2.871.680.781	647.125.753	56.870.919.831
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2021	30.635.110.603	1.324.022.799	458.975.901	42.986.684	32.461.095.987
Tại ngày 31/12/2021	29.018.835.994	209.413.548	269.614.015	-	29.497.863.557

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 35.633.696.716 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 30.995.173.916 VND).

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2021	167.243.000
Tăng trong năm	-
Tại ngày 31/12/2021	167.243.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2021	167.243.000
Khấu hao trong năm	-
Tại ngày 31/12/2021	167.243.000
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2021	-
Tại ngày 31/12/2021	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TÓNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.11 Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND	Cơ sở hạ tầng VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2021	55.570.716.023	3.993.427.464	59.564.143.487
Tại ngày 31/12/2021	55.570.716.023	3.993.427.464	59.564.143.487
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2021	19.657.843.298	3.520.725.750	23.178.569.048
Khấu hao trong năm	1.761.224.208	276.309.597	2.037.533.805
Tại ngày 31/12/2021	21.419.067.506	3.797.035.347	25.216.102.853
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2021	35.912.872.725	472.701.714	36.385.574.439
Tại ngày 31/12/2021	34.151.648.517	196.392.117	34.348.040.634

- Bất động sản đầu tư là nhà xưởng, thiết bị truyền dẫn có vị trí tại xã Thiện Tân, Xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
- Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Nguyên giá VND	Hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
Hệ thống điện sản xuất, chiếu sáng	2.300.000.000	2.108.333.356	191.666.644
Hệ thống kim thu sét - nhà văn phòng	34.480.000	34.480.000	-
Nhà xưởng	42.000.000.000	12.833.333.366	29.166.666.634
Đường vào xưởng sản xuất	58.303.983	58.303.983	-
Nhà bảo vệ	56.371.472	56.371.472	-
Trạm biến áp 560kva	422.827.272	422.827.272	-
Hệ thống điện sản xuất, chiếu sáng	930.750.363	930.750.363	-
Hệ thống chống sét	159.090.909	159.090.909	-
Máy bơm phòng cháy chữa cháy	35.000.000	35.000.000	-
Hệ thống báo cháy nhà xưởng	82.400.000	77.674.522	4.725.478
Nhà xá dầm	376.124.000	376.124.000	-
Hồ nước Phòng cháy chữa cháy	310.000.000	182.125.002	127.874.998
Sân đường mở rộng	73.833.640	73.833.640	-
Nhà hút bụi	22.045.130	22.045.130	-
Bờ kè	54.182.028	54.182.028	-
Nhà xưởng sản xuất	8.541.933.594	3.704.723.857	4.837.209.737
Máy bơm Phòng cháy chữa cháy	35.000.000	35.000.000	-
Hệ thống cứu hỏa	28.358.920	28.358.920	-
Kho 17 a	541.368.000	541.368.000	-
Kho 14	2.378.206.069	2.378.206.069	-
Kho 12	703.316.886	703.316.886	-
Đường nội bộ	96.614.000	96.614.000	-
Kho 17b	80.937.221	61.040.078	19.897.143
Kho 13	243.000.000	243.000.000	-
	59.564.143.487	25.216.102.853	34.348.040.634

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập từ việc cho thuê	15.114.416.519	13.010.486.188
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	5.549.902.223	4.801.161.906
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	1.065.231.261	600.825.790

- Giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Giám đốc công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty TNHH MTV Nguyễn Mỹ	430.980.000	541.084.500
Công ty TNHH Ván ép Gia Phát	-	271.762.194
Công ty TNHH MTV Gỗ Đạt Lợi	491.829.884	223.071.065
Công ty TNHH MTV Thương mại Diệm Sâm	368.039.906	-
Công ty TNHH MTV Gỗ Nguyễn Hồng Nguyễn	350.874.682	128.201.413
Các nhà cung cấp khác	1.074.057.815	990.295.213
	2.715.782.287	2.154.414.385

5.12.2 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<i>Người mua trả tiền trước khác</i>		
Ông Trần Hồng Phong – Thu trước tiền bán tài sản	-	956.266.366
Công ty TNHH Cơ khí Ô tô Bình Thắng	16.896.000	-
Công ty TNHH MTV May mặc Quốc Khang – Thu trước tiền bán phế liệu	-	175.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Minh Trí	-	91.080.000
Mitsui Bussan I – Fashion Limited	69.458.127	69.458.127
Các khách hàng khác	15.600.536	15.649.148
	101.954.663	1.307.453.641

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.14 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	01/01/2021		Số phát sinh trong năm		31/12/2021	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT	317.600.719	-	2.673.828.642	(2.757.771.419)	233.657.942	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(243.421.274)	489.134.675	-	245.713.401	-
Thuế thu nhập cá nhân	5.000.001	-	22.597.679	(26.887.251)	710.429	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	(2.579.174)	470.918.007	(583.711.491)	-	(115.372.658)
Thuế môn bài	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
	322.600.720	(246.000.448)	3.662.479.003	(3.374.370.161)	480.081.772	(115.372.658)

Tiền thuê đất

Công ty nộp thuế theo thông báo nộp tiền thuê đất của cơ quan thuế. Công ty được áp dụng miễn giảm 30% số tiền thuê đất phải nộp trong năm 2021 do đáp ứng điều kiện được quy định tại Quyết định số 27/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động kinh doanh nội địa là 10%, Xuất khẩu 0%, Thu hộ tiền nước 5%

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

- Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.
- Công ty được áp dụng miễn giảm 30% số thuế TNDN phải nộp trong năm 2021 do đáp ứng điều kiện được quy định tại Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được ước tính như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.469.752.382	(6.670.408.415)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	763.956.724	1.318.277.535
Thu nhập chịu thuế	10.233.709.106	(5.352.130.880)
Chuyển lỗ các năm trước	(6.739.889.997)	-
Thu nhập tính thuế	3.493.819.109	-
Thuế TNDN phát sinh trong năm	698.763.822	-
Thuế TNDN được miễn giảm	(209.629.147)	-
Tổng Thuế TNDN còn phải nộp	489.134.675	-

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Chi phí lãi vay	-	552.517
Trích trước chi phí bảo vệ	-	13.636.364
Trích trước tiền thuê đất, phí hạ tầng	854.265.694	854.265.694
Chi phí phải trả khác	6.301.228	8.660.045
	860.566.922	877.114.620

5.16 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác		
Tiền trả trước về cho thuê tài sản cố định, bất động sản đầu tư	21.818.178	43.636.362
	21.818.178	43.636.362

5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả các bên liên quan		
Cổ tức lợi nhuận phải trả - Cổ đông lớn	-	4.665.780.000
Phải trả tổ chức và cá nhân khác		
Cổ tức phải trả - Cổ đông không có ảnh hưởng đáng kể	468.772.750	940.773.750
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa – cổ tức phải trả	1.874.250.000	-
Quỹ Xã Hội CBCNV đóng góp	52.371.216	56.362.116
Nhận ký quỹ – Đặt cọc tiền thuê đất	1.305.420.000	987.885.000
Phải trả khác	408.293.671	432.933.430
	4.109.107.637	7.083.734.296

5.17.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả tổ chức và cá nhân khác		
Nhận ký quỹ kỳ cược dài hạn – Đặt cọc thuê đất Công ty TNHH Tokoseiki Việt Nam	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH Parker Seal Việt Nam	1.242.166.432	1.242.166.432
Công ty TNHH Samwoo Polymer	543.300.000	-
Công ty TNHH Gỗ Minh Quân	450.000.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH Kna Apparel Sourcing (Vietnam)	-	600.000.000
	3.235.466.432	2.842.166.432

5.17.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn đến hạn trả				
<i>Vay dài hạn đến hạn trả cho các tổ chức khác</i>				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Đồng Nai (1)	-	-	2.168.492.024	2.168.492.024
	-	-	2.168.492.024	2.168.492.024

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	01/01/2021 VND	Số tiền trả nợ vay trong năm VND	31/12/2021 VND
Vay và nợ ngắn hạn			
Các tổ chức khác	2.168.492.024	(2.168.492.024)	-
	2.168.492.024	(2.168.492.024)	-

5.19 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tại ngày đầu năm	610.712.364	768.918.554
Chi trong năm	(247.870.400)	(158.206.190)
Tại ngày cuối năm	362.841.964	610.712.364

5.20 Vốn chủ sở hữu ("CSH")**5.20.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2020	46.623.500.000	24.225.364.017	10.433.155.588	81.282.019.605
Lỗ trong năm	-	-	(6.670.408.415)	(6.670.408.415)
Chia cổ tức	-	-	(3.263.645.000)	(3.263.645.000)
Số dư 31/12/2020	46.623.500.000	24.225.364.017	499.102.173	71.347.966.190
Số dư 01/01/2021	46.623.500.000	24.225.364.017	499.102.173	71.347.966.190
Lãi trong năm	-	-	8.980.617.707	8.980.617.707
Số dư 31/12/2021	46.623.500.000	24.225.364.017	9.479.719.880	80.328.583.897

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.20.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 7 ngày 06 tháng 08 năm 2019 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp, vốn điều lệ của Công ty là 46.623.500.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 các cổ đông Công ty đã góp đủ vốn, chi tiết như sau:

	31/12/2021			01/01/2021		
	Cổ phiếu	VND	Tỷ lệ	Cổ phiếu	VND	Tỷ lệ
Công ty TNHH Thanh Bình	2.191.600	21.916.000.000	47,01%	1.725.100	17.251.000.000	37,00%
Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	1.544.300	15.443.000.000	33,12%	1.544.300	15.443.000.000	33,12%
Quỹ đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	302.000	3.020.000.000	6,48%	302.000	3.020.000.000	6,48%
Công ty cổ phần Tổng công ty Tín Nghĩa (*)	-	-	-	416.500	4.165.000.000	8,93%
Cổ đông khác	624.450	6.244.500.000	13,39%	674.450	6.744.500.000	14,47%
	4.662.350	46.623.500.000	100,00%	4.662.350	46.623.500.000	100,00%

(*) Trong năm, Công ty cổ phần Tổng công ty Tín nghĩa đã thoái toàn bộ vốn đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 không còn là cổ đông lớn của Công ty.

5.20.3 Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.662.350	4.662.350
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.662.350	4.662.350
• Cổ phiếu phổ thông	4.662.350	4.662.350
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.662.350	4.662.350
• Cổ phiếu phổ thông	4.662.350	4.662.350
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

5.21 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài:

Công ty ký kết các hợp đồng thuê đất sau:

- Hợp đồng thuê đất số 54/HĐTD ngày 08/07/2008 ký với Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đồng Nai gồm các thửa đất: Thửa đất 261 tờ bản đồ số 7 có diện tích 1.785,7 m² thửa đất số 9 tờ bản đồ số 18 có diện tích 95.2 m² tại phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, thời hạn thuê đến 01/01/2046. Tiền thuê đất trả hàng năm (đơn giá thuê đất là 4.372,2 đồng/m²/năm).
- Hợp đồng thuê đất số 25/HĐTD_TDTM ngày 07/02/2012 ký với Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đồng Nai thửa đất số 284, tờ bản đồ số 36 tại ấp 1 xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà máy sản xuất ván ép và hàng mộc

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

để xuất khẩu, thời hạn thuê đến 04/03/2059, Diện tích thuê là 26.561 m². Tiền Thuê đất trả hàng năm (đơn giá thuê đất là 6.313 đồng/m²/năm).

- Hợp đồng thuê đất số 35/HĐTD ngày 20/05/2010 ký với Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đồng Nai thửa đất 68, tờ bản đồ số 25 tại xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai để sử dụng vào mục đích làm kho chứa nguyên vật liệu và thành phẩm gỗ chế biến, thời hạn thuê đất đến 31/12/2054. Diện tích đất thuê là 12.340,6 m². Tiền Thuê đất trả hàng năm (đơn giá thuê đất là 2.690 đồng/m²/năm).
- Hợp đồng thuê đất số 110/HĐTD ngày 06/12/2013 ký với Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đồng Nai gồm các thửa đất: Thửa đất 119, tờ bản đồ số 34 tại xã Thiên Tân, huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai diện tích 12.806,2 m²; thửa đất 279, tờ bản đồ số 36 diện tích 15.159,7 m² tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai để sử dụng vào mục đích làm nhà xưởng chế biến gỗ, thời hạn thuê đất đến 15/11/2054. Diện tích đất thuê là 27.965,9 m². Tiền thuê đất trả hàng năm (đơn giá thuê đất là 6.313 đồng/m²/năm).
- Hợp đồng thuê đất số 76/HĐTD-BH1 ngày 01/04/2006 ký với Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp (Sonadezi) thửa đất 33, tờ bản đồ số 35 tại đường 1, KCN Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, thời hạn thuê từ 01/04/2006 đến 12/04/2051. Diện tích đất thuê là 20.425,9 m². Tiền thuê đất trả hàng năm.

Tài sản nhận giữ hộ

	DVT	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Nguyên vật liệu, phụ liệu nhận giữ hộ, thành phẩm gia công bao gồm: Áo, quần bảo hộ	Cái	-	5.233
Ngoại tệ		31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Dolla Mỹ (USD)		1.016,96	2.311,78
Đồng Euro (EUR)		221,21	232,13
Nợ khó đòi đã xử lý		31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ông Nguyễn Minh Đức		694.584.387	694.584.387
Ông Phạm Trung Kiên		137.500.000	137.500.000
Ông Hà Như Phong		391.638.640	391.638.640
Công ty TNHH Bảy Hồng		83.793.750	83.793.750
Hợp tác xã Quyết Tâm		19.600.000	19.600.000
Công ty TNHH CanDo Vina		570.743.086	-
		1.897.859.863	1.327.116.777

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu thuần**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	30.541.028.232	65.256.214.510
Doanh thu cho thuê bất động sản	15.114.416.519	13.010.486.188
Doanh thu khác	96.000.000	96.000.000
	45.751.444.751	78.362.700.698
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	-	-
	45.751.444.751	78.362.700.698

Trong đó doanh thu các bên liên quan:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Công ty TNHH Thanh Bình + Doanh thu bán hàng	172.551.597	100.000.000
	172.551.597	100.000.000

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	26.577.151.939	64.147.164.160
Giá vốn cho thuê văn phòng, nhà xưởng	5.549.902.223	4.801.161.906
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(540.812.486)	-
	31.586.241.676	68.948.326.066

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	315.998.295	381.050.731
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	22.114.772	117.326.389
	338.113.067	498.377.120

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	4.120.339	804.026.646
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	9.845.503	138.728.109
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.282.650	34.139.458
	15.248.492	976.894.213

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	275.602.462
Chi phí bảo hành	3.173.100	3.766.400
Chi phí vận chuyển	106.036.545	104.107.636
Chi phí ngân hàng	518.675	4.852.373
Chi phí bán hàng khác	7.794.269	118.490.151
	117.522.589	506.819.022

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.202.859	3.803.627
Chi phí nhân viên	3.542.349.258	8.298.972.647
Chi phí khấu hao tài sản cố định	397.948.208	504.217.787
Thuế, phí và lệ phí	60.345.979	234.512.414
Chi phí dự phòng	33.000.000	-
Chi phí dịch vụ bảo vệ, vận chuyển, phí ngân hàng, tiền điện thoại, internet	820.934.808	923.167.259
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	606.962.935	5.501.381.438
	5.474.744.047	15.466.055.172

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu từ thanh lý công cụ, dụng cụ	708.991.879	466.613.759
Lãi thanh lý tài sản cố định	413.444.795	-
Xử lý công nợ tồn đọng	0	689.433.212
Tiền thuế đất được giảm	55.376.657	-
Các khoản thu nhập khác	5.924.222	173.089.525
	1.183.737.553	1.329.136.496

6.8 Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	205.456.053
Chi phí thanh lý công cụ, dụng cụ	-	30.862.763
Chi phí công cụ, dụng cụ	16.877.757	65.780.398
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.427.380	327.742.546
Phạt hành chính	3.234.210	-
Xử lý công nợ khó đòi	585.243.087	157.946.501
Chi phí khác	3.751	174.739.995
	609.786.185	962.528.256

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

		Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	8.980.617.707	(6.670.408.415)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty		-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	VND	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	8.980.617.707	(6.670.408.415)
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong năm	CP	4.662.350	4.662.350
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP	1.926	(1.431)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.662.350	4.662.350
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.662.350	4.662.350

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	16.468.455.587	26.559.125.948
Chi phí nhân công	12.982.309.903	28.027.487.785
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.879.211.030	5.964.539.517
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.673.221.496	5.443.080.815
Chi phí khác	557.882.230	9.516.413.735
	37.561.080.246	75.510.647.800

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	48.607.535.383
	-	48.607.535.383

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	2.168.492.024	76.011.302.445
	2.168.492.024	76.011.302.445

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản trái phiếu, nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày tại thuyết minh số 5.6.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đảo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2021			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán	2.715.782.287	-	2.715.782.287
Chi phí phải trả	860.566.922	-	860.566.922
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.056.736.421	3.235.466.432	7.292.202.853
	7.633.085.630	3.235.466.432	10.868.552.062
Ngày 01 tháng 01 năm 2021			
Các khoản vay	2.168.492.024	-	2.168.492.024
Phải trả người bán	2.154.414.385	-	2.154.414.385
Chi phí phải trả	877.114.620	-	877.114.620
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.083.734.296	2.842.166.432	9.925.900.728
	12.283.755.325	2.842.166.432	15.125.921.757

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Ban Giám đốc cho rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đảo hạn.

Tài sản đảm bảo

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021:

- Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác.

iv. Giá trị hợp lý

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng	8.463.854.869	9.778.421.874	13.583.198.221	14.864.765.226
Phải thu khác	177.288.493	36.944.676	177.288.493	36.944.676
Đầu tư	4.950.000.000	2.250.000.000	4.950.000.000	2.250.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.892.144.405	1.836.527.224	2.892.144.405	1.836.527.224
	16.483.287.767	13.901.893.774	21.602.631.119	18.988.237.126
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	-	2.168.492.024	-	2.168.492.024
Phải trả người bán	2.715.782.287	2.154.414.385	2.715.782.287	2.154.414.385
Chi phí phải trả	860.566.922	877.114.620	860.566.922	877.114.620
Các khoản phải trả khác	7.292.202.853	9.925.900.728	7.292.202.853	9.925.900.728
	10.868.552.062	15.125.921.757	10.868.552.062	15.125.921.757

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc và kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thành viên hội đồng quản trị		
Tổng thù lao		
Ông Phạm Đức Bình – Chủ tịch	60.000.000	35.000.000
Ông Phùng Văn Nhi – Chủ tịch (đã từ nhiệm)	-	25.000.000
Bà Dương Thị Mỹ Dung – thành viên	48.000.000	48.000.000
Bà Phạm Ngọc Tuyết Vân – thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Trần Hữu Đức – thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Tăng Trần Tấn Khải – thành viên	15.000.000	21.000.000
Ông Phạm Lan Đình – thành viên	21.000.000	-
Ông Lê Văn Danh – thành viên (đã từ nhiệm)	-	15.000.000
Thù lao	<u>216.000.000</u>	<u>216.000.000</u>
Thành viên Ban Quản lý		
Lương, thưởng		
Bà Dương Thị Mỹ Dung – Giám đốc	308.687.006	357.409.322
Bà Phạm Ngọc Tuyết Vân – Kế toán trưởng	259.302.200	282.642.150
Bà Lê Thị Xuân Hằng – Trưởng ban kiểm soát	144.654.837	82.666.294
	-	-
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	<u>712.644.043</u>	<u>722.717.766</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Công ty TNHH Thanh Bình			
	Thông báo chia cổ tức	-	1.207.570.000
	Bán hàng	172.551.597	100.000.000
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai			
	Thông báo chia cổ tức	-	1.081.010.000
Quý Đầu tư Phát triển Tỉnh Đồng Nai			
	Thông báo chia cổ tức	-	211.400.000
Công ty CP Tổng Công ty Tín Nghĩa (đã thoái vốn trong năm 2021)			
	Thông báo chia cổ tức		291.550.000
Công ty TNHH Thanh Bình			
	Bán hàng thanh lý	-	24.229.000
	Trả trước tiền hàng	4.500.000.000	100.000.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH Thanh Bình			
	Phải trả ngắn hạn khác	-	1.207.570.000
	Trả trước người bán ngắn hạn	4.500.000.000	-
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai			
	Phải trả ngắn hạn khác	-	1.081.010.000
Quý Đầu tư Phát triển Tỉnh Đồng Nai			
	Phải trả ngắn hạn khác	-	211.400.000
Công ty CP Tổng Công ty Tín Nghĩa (đã thoái vốn trong năm 2021)			
	Phải trả ngắn hạn khác		2.165.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

9.2 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Kinh doanh may mặc	Kinh doanh chế biến gỗ	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	309.101.556	30.231.926.676	15.210.416.519	45.751.444.751
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(521.641.971)	2.107.868.626	7.309.574.359	8.895.801.014
Tài sản bộ phận	-	19.868.864.682	74.037.169.352	93.906.034.034
Nợ phải trả bộ phận	-	3.975.885.167	9.601.564.970	13.577.450.137

Theo khu vực địa lý:

	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	45.371.630.196	379.814.555	45.751.444.751
Tài sản bộ phận	-	-	93.906.034.034

9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Vào ngày 24 tháng 02 năm 2022, Công ty đã công bố thông tin về việc từ nhiệm của Ông Nguyễn Diên Anh Khoa – Kiểm soát viên và Ông Trần Hữu Đức – Thành viên Hội đồng quản trị.



PHẠM NGỌC TUYẾT VÂN
Người lập



PHẠM NGỌC TUYẾT VÂN
Kế toán trưởng




DƯƠNG THỊ MỸ DUNG
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 22 tháng 03 năm 2022